

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-ST
Ngày: 27-8-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tân;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C (viết tắt: NHCSXH, Ngân hàng).

Địa chỉ: Tòa nhà C, Bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Ca S – Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện N (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án ngày 18/7/2023, xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Võ Ngọc N, sinh năm 1975 và bà Thái Thị D, sinh năm 1975 (vợ ông N, bà D và ông N vắng mặt).

Anh Võ Hoàng N1, sinh năm 1994 (con ông N, vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2024, ông **Đỗ Ca S** - Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu:

Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** với **Ngân hàng C** Phòng giao dịch **huyện N**, theo đó ông **N**, bà **D** và anh **N1** đã vay vốn tại NHCSXH cụ thể như sau:

Số Khế ước vay tiền 6600000720517420, với số tiền vay 40.000.000 đồng, ngày vay 10/5/2021, hạn trả 10/5/2026; lãi suất cho vay 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 10,725%/năm, số tiền còn nợ đến ngày 10/5/2024: Tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi 8.841.592 đồng.

Số Khế ước vay tiền 6600000715230988, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ngày vay 06/5/2019, hạn trả 10/9/2026; lãi suất cho vay 09%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm, số tiền còn nợ đến ngày 10/5/2024: Tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 4.806.691 đồng.

Thời gian qua, phía ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** không thực hiện trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Vì vậy, **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** liên đới thanh toán khoản vay vốn gốc là 60.000.000 đồng và lãi suất là 13.648.283 đồng, tổng cộng là 73.648.283 đồng.

* Đối với bị đơn – Ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1**: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc **Ngân hàng C** khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông **N**, bà **D** và anh **N1** vắng mặt 02 lần không có lý do.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng C yêu cầu ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** thanh toán tiền vay gốc và lãi suất còn nợ trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** cư trú tại **ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông **Đỗ Ca S** - Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa đề ngày 30/7/2024 với lý do bận việc đột xuất, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ (02 lần) tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1**.

[2]. Về nội dung vụ án: **Ngân hàng C** và ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** đã ký hợp đồng để vay tín chấp với tổng số tiền gốc 60.000.000 đồng, thực hiện trách nhiệm trả nợ gốc phân kỳ 06 tháng/1 lần, ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** không thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với NHCSXH nên các bên xảy ra tranh chấp.

* Xét hợp đồng tín dụng.

Ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** đã ký Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ với NHCSXH - Phòng giao dịch **huyện N**, theo đó ông **N**, bà **D** và anh **N1** đã vay vốn tại NHCSXH, Khế ước vay tiền 6600000720517420 ngày 10/5/2021, với số tiền vay 40.000.000 đồng, hạn trả 10/5/2026 và **K** ước vay tiền 6600000715230988 ngày 06/5/2019, với số tiền vay 20.000.000 đồng, hạn trả 10/9/2026, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** số tiền vốn vay tổng cộng 60.000.000 đồng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay nêu trên. Đối với ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** được Tòa án triệu tập họp lệ để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ký kết **K** ước vay tiền giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

* Xét về yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng xác định phía ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** không thực hiện trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phân kỳ 06 tháng/ 01 lần theo hợp đồng tín dụng đã ký với NHCSXH. Ngân hàng có đơn đốc, nhắc nhở nhưng ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** vẫn không thanh toán nợ, nay Ngân hàng yêu cầu ông **N**, bà **D** và anh **N1** có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay vốn gốc tổng cộng là 60.000.000 đồng và lãi suất là 13.648.283 đồng; ông **N**, bà **D** và anh **N1** không có ý kiến phản hồi và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán số nợ vay nên ông **N**, bà **D** và anh **N1** phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Xét thấy, ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, vì vậy ngoài khoản nợ gốc mà ông **N**, bà **D** và anh **N1** phải liên đới thanh toán cho phía Ngân hàng là 60.000.000 đồng thì cần buộc ông **N**, bà **D** và anh **N1** thanh toán khoản lãi của 02 Khế ước là 13.648.283 đồng (tính đến hết ngày 10/5/2024). Tổng số tiền vay và lãi mà ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** phải thanh toán cho Ngân

hàng tổng cộng bằng 73.648.283 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày 11/5/2024, ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

* Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** được chấp nhận nên ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Ngân hàng C** không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** có trách nhiệm liên đới thanh toán cho **Ngân hàng C** tổng số tiền là 73.648.283 đồng (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi ba đồng*), trong đó nợ vay gốc là 60.000.000 đồng, lãi suất là 13.648.283 đồng (tính đến hết ngày 10/5/2024).

Kể từ ngày 11/5/2024, ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh

lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông **Võ Ngọc N**, bà **Thái Thị D** và anh **Võ Hoàng N1** phải chịu án phí với số tiền 3.862.000 đồng.

Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền